

KẾT QUẢ SƠ BỘ TỔNG ĐIỀU TRA CƠ SỞ KINH TẾ, HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP NĂM 2007

**Tổ Thường trực Ban chỉ đạo TĐT
CSKTHCSN Trung ương**

Theo kết quả tổng hợp nhanh, tổng số cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp có tại thời điểm 1/7/2007 trên cả nước là 4.145.810 cơ sở, tăng 1.265.806 cơ sở - tương đương 44% so với kết quả Tổng điều tra năm 2002. Số lượng lao động của các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp tại thời điểm này là 16.579.850, tăng 5.786.474 - tương đương 53,6% so với năm 2002.

Xét theo hai khu vực: sản xuất kinh doanh và hành chính sự nghiệp, số cơ sở sản xuất kinh doanh (thuộc doanh nghiệp, cơ quan, đoàn thể, hiệp hội và cơ sở cá thể) là 3.935.078, chiếm 94,9% tổng số cơ sở kinh tế, HCSN (tăng 44,7% so với năm 2002), trong đó số cơ sở SXKD thuộc doanh nghiệp và cơ quan đoàn thể, hiệp hội là 183.920 (tăng 82,8% so với năm 2002), cơ sở SXKD cá thể là 3.751.158 (tăng 43,2% so với năm 2002). Số cơ sở hành chính, sự

nghiệp, Đảng, đoàn thể, hiệp hội là 210.732, tăng 31,6%.



Tổ Thường trực, BCĐ TĐT CSKTHCSN họp thường kỳ

Kết quả tổng hợp nhanh Tổng điều tra thể hiện một số nét khái quát về qui mô, cơ cấu và biến động các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp qua 5 năm:

1. Sự gia tăng nhanh số lượng cơ sở và lao động trong các cơ sở kinh tế hành chính sự nghiệp

Bảng 1 - Tốc độ phát triển (%) cơ sở và lao động (năm 2007 so với năm 2002)

	Cơ sở	Lao động
Toàn quốc	144,0	153,6
1. Đồng bằng Sông Hồng	127,4	148,3
2. Đông Bắc	142,4	136,7
3. Tây Bắc	165,8	146,4
4. Bắc Trung bộ	132,1	134,5
5. Duyên hải Nam Trung bộ	152,8	148,1
6. Tây Nguyên	146,2	148,7
7. Đông Nam bộ	155,8	173,0
8. Đồng bằng Sông Cửu Long	160,9	158,6

So với năm 2002, tổng số cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp tăng 44%, lao động tăng 53,6%. Sự gia tăng về số lượng cơ sở dẫn đến mật độ các cơ sở kinh tế hành chính sự nghiệp tăng đáng kể. Tại thời điểm Tổng điều tra, tính bình quân trên diện tích 10km² có 1259 cơ sở, tăng 384 so với năm 2002 (875 cơ sở).

Gia tăng số lượng cơ sở và lao động thể hiện ở toàn bộ 8 vùng kinh tế trên cả nước. Ở phía Bắc, vùng Đồng bằng Sông Hồng vẫn là nơi tập trung đông số cơ sở kinh tế, hành chính sự nghiệp. Các vùng phía Nam có tốc độ tăng số cơ sở cao hơn mức bình quân chung cả nước, đặc biệt là khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long và Đông Nam bộ. Thành phố Hồ Chí Minh dẫn đầu cả nước về mức tăng số cơ sở và lao động với 59,2% và 65,5%. Trong số các vùng miền núi, vùng Tây Bắc có tốc độ tăng cao hơn về cơ sở (65,8%) nhưng thu hút về lao động tại các cơ sở lại thể hiện rõ hơn ở vùng Tây Nguyên (tăng 48,1%).

Ở hai khu vực: sản xuất kinh doanh và hành chính sự nghiệp, mật độ cơ sở dày hơn thể hiện ở khu vực các cơ sở SXKD, đặc biệt là các cơ sở thuộc doanh nghiệp (tăng 25 cơ sở/10km²) và cơ sở SXKD cá thể (tăng 344 cơ sở/10km²). Đây là kết quả tất yếu của chính sách khuyến khích đầu tư, phát triển sản xuất của nhà nước đối với các ngành, các thành phần kinh tế, đồng thời là nhân tố quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết công ăn việc làm cho đông đảo lực lượng lao động của nước ta trong 5 năm qua.

2. Sự thay đổi cơ cấu ngành các cơ sở SXKD theo hướng phát triển khu vực dịch vụ

Gia tăng các cơ sở sản xuất kinh doanh theo ngành kinh tế phần nào thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế quốc dân những năm gần đây theo hướng phát triển khu vực dịch vụ. Trong tổng số cơ sở sản xuất kinh doanh, khu vực dịch vụ chiếm 76% cơ sở (năm 2002 là 72,5%) và trong tổng số lao động, khu vực dịch vụ chiếm 57%. Tuy nhiên khi so sánh cơ cấu ngành theo loại hình tổ chức của cơ sở có thể thấy: xét về qui mô lao động, các cơ sở thuộc khu vực dịch vụ vẫn còn nhỏ bé nên mặc dù tỷ trọng cơ sở lớn nhưng tỷ trọng lao động còn chưa tăng tương xứng. Trong các ngành dịch vụ, ngành có số cơ sở lớn nhất vẫn là thương nghiệp, khách sạn, nhà hàng, du lịch chiếm 41,4% song tỷ trọng này đã giảm so với năm 2002 (chiếm 43,7%). Điều đó khẳng định sự xuất hiện ngày càng nhiều các cơ sở SXKD khác của khu vực dịch vụ.

3. Sự biến động về số lượng cơ sở và lao động của các cơ sở SXKD thuộc doanh nghiệp thể hiện hiệu quả của chính sách cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Tại thời điểm Tổng điều tra, số lượng cơ sở SXKD thuộc doanh nghiệp là 182.888, tăng 83,4%, thu hút 6.953.663 lao động, tăng 81,6% so với năm 2002.

Bảng 2 - Số lượng và tốc độ phát triển số cơ sở, lao động của các cơ sở SXKD thuộc doanh nghiệp

	Cơ sở (cơ sở)			Lao động (người)		
	1/7/02	1/7/07	%	1/7/02	1/7/07	%
Tổng số	99732	182888	183,4	3828474	6953663	181,6
1. DN nhà nước	36224	31776	87,7	1832725	1681120	91,7
2. DN ngoài NN	59940	144037	240,3	1390958	3703684	266,3
3. DN có vốn ĐTTTNN	3568	7075	198,3	604791	1568859	259,4

Ở khu vực này, đáng chú ý là sau 5 năm, số lượng cơ sở SXKD thuộc doanh nghiệp nhà nước đã giảm 12,3%, số lao động giảm 8,3% trong khi số lượng các cơ sở SXKD và số lượng lao động thuộc doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng mạnh với các số liệu tương ứng là 140,3% và 166,3%. Tỷ trọng các cơ sở thuộc nhóm này trong tổng số cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp tăng từ 2,1% năm 2002 lên 3,5% năm 2007. Tương tự, các cơ sở SXKD thuộc doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (7075 cơ sở) tăng 98,3%, tương đương 3.507 cơ sở, thu hút thêm 964.068 lao động, tăng 159,4%. Số liệu qui mô lao động bình quân một cơ sở theo khu vực doanh nghiệp cho thấy các cơ sở thuộc khu vực DN có vốn ĐTTTNN có qui mô lớn nhất: trong khi một cơ sở SXKD thuộc doanh nghiệp nhà nước là 53 lao động/1 cơ sở, doanh nghiệp ngoài nhà nước là 26 thì cơ sở thuộc khu vực DN có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là 222.

Xét theo ngành sản xuất kinh doanh, các cơ sở thuộc doanh nghiệp công nghiệp có qui mô lao động lớn nhất với 102 lao động/1 cơ sở, gấp gần 3 lần mức bình quân chung. Các doanh nghiệp thương nghiệp, khách sạn, nhà hàng, du lịch có qui mô lao

động khá nhỏ, đặc biệt là các cơ sở thuộc doanh nghiệp tư nhân (bình quân 7 lao động). Đối với khu vực doanh nghiệp nhà nước, đa phần các cơ sở hoạt động trong các ngành dịch vụ khác (48,6%), thu hút 52,5% tổng số lao động. Ở khu vực DN ngoài nhà nước, phần lớn là các cơ sở thuộc ngành thương nghiệp, khách sạn nhà hàng trong khi các cơ sở thuộc doanh nghiệp FDI lại tập trung nhiều nhất vào hoạt động công nghiệp. Những năm tới, khi các cam kết mở cửa khu vực dịch vụ cho các nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện theo lộ trình hội nhập WTO, sự chuyển dịch cơ cấu ngành giữa các doanh nghiệp có vốn trong nước và khu vực FDI sẽ có những thay đổi.

4. Sự gia tăng chậm hơn về qui mô của các cơ sở SXKD cá thể

Số lượng cơ sở SXKD cá thể tại thời điểm Tổng điều tra là 3,7 triệu, tăng 43,2% nhưng tỷ trọng chung đã phần nào giảm xuống (90,5% so với 90,9% năm 2002). Qui mô lao động của các cơ sở SXKD cá thể nhìn chung không thay đổi, vẫn ở mức 1 – 2 lao động/1 cơ sở. Sự phát triển các cơ sở SXKD cá thể vốn dĩ có tính tự phát, là khu vực tạo công ăn việc làm cho một bộ phận lớn lao động (6,5 triệu người) có kỹ năng lao

động đơn giản hơn, đóng góp chủ yếu vào việc tạo thu nhập kinh tế gia đình. Tỷ lệ lao động không phải trả công, trả lương của các cơ sở SXKD cá thể chiếm tới 79,8%. Tỷ lệ các cơ sở có đăng ký kinh doanh, có nộp thuế môn bài và thuế giá trị gia tăng chưa được cải thiện và vẫn ở mức thấp: trên dưới 30%. Có thể thấy các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực thương nghiệp, khách sạn, nhà hàng và du lịch vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Những năm gần đây, phương thức kinh doanh hiện đại theo mô hình các siêu thị, trung tâm thương mại đã bắt đầu phát triển, đặc biệt ở các thành phố lớn, tập trung đông dân cư.

5. Sự phát triển mạnh hơn của các cơ sở sự nghiệp trong tổng số cơ sở thuộc khối hành chính, sự nghiệp, Đảng, đoàn thể, hiệp hội

Số liệu sơ bộ về các cơ sở hành chính, sự nghiệp, Đảng, đoàn thể, hiệp hội cho thấy: tuy mức tăng của khu vực này là 31,6% nhưng vẫn nhỏ hơn mức bình quân chung, tỷ trọng số cơ sở và lao động đều có xu hướng giảm qua hai kỳ Tổng điều tra. Sau 5 năm, tỷ trọng cơ sở hành chính, sự nghiệp, Đảng, đoàn thể, hiệp hội có giảm nhẹ (5,1% so với 5,6% của năm 2002).

Bảng 3 - Số cơ sở và lao động của các cơ sở sự nghiệp

	Cơ sở (cơ sở)			Lao động (người)		
	1/7/02	1/7/07	%	1/7/02	1/7/07	%
Tổng số	77508	110666	142,8	176105	1903515	129,0
1. Sự nghiệp công	57993	91 044	157,0	1358270	1751257	128,9
<i>Tỷ trọng (%)</i>	<i>74,8</i>	<i>82,2</i>	<i>-</i>	<i>92,0</i>	<i>92,0</i>	<i>-</i>
2. Sự nghiệp bán công	17483	16709	95,6	89366	105391	117,9
<i>Tỷ trọng (%)</i>	<i>22,5</i>	<i>15</i>	<i>-</i>	<i>6,1</i>	<i>5,5</i>	<i>-</i>
3. Sự nghiệp dân lập, tư thực	2032	2 913	143,3	28469	46867	164,6
<i>Tỷ trọng (%)</i>	<i>2,6</i>	<i>2,6</i>	<i>-</i>	<i>1,9</i>	<i>2,5</i>	<i>-</i>

Số lượng cơ sở và lao động của các cơ sở thuộc khu vực này tăng lên, tương ứng với sự thay đổi về số lượng đơn vị hành chính của nước ta từ năm 2002 đến nay: số tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương tăng từ 61 lên 64, số quận huyện từ 631 lên 675, số xã phường từ 10.533 lên 10.964.

Ở khu vực hành chính, sự nghiệp, đáng chú ý là biến động tăng về số lượng các cơ sở sự nghiệp (42,8%) và lao động trong các cơ sở này (29%). Các cơ sở sự nghiệp công

vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số khu vực sự nghiệp. Số cơ sở sự nghiệp bán công đã giảm xuống, trong khi các cơ sở sự nghiệp dân lập, tư thực tăng cả về số cơ sở và lao động. Tuy biến động chưa nhiều nhưng đã thể hiện phần nào xu hướng xã hội hóa sự nghiệp giáo dục, y tế của Nhà nước. Biến động này sẽ rõ rệt hơn trong những năm tới, khi chủ trương nói trên đã được Chính phủ thống nhất đưa vào thực hiện.

(tiếp theo trang 37)

6. Sự phát triển của các khu/cụm công nghiệp, cụm công nghiệp/làng nghề thể hiện chính sách thu hút đầu tư tập trung

Tại thời điểm Tổng điều tra 1/7/2007, cả nước có 577 khu/cụm công nghiệp, trong đó có 348 khu/cụm đang hoạt động (chiếm 60%), 137 khu/cụm đang trong giai đoạn triển khai (chiếm 23,7%). Trong tổng số khu/cụm công nghiệp đang hoạt động có 168 khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao.

Các khu/cụm công nghiệp hiện tập trung nhiều nhất ở 4 vùng (Đồng bằng Sông Hồng, Duyên hải Nam Trung bộ, Đông Nam bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long) chiếm

82% trong tổng số khu công nghiệp của cả nước. Ở phía Bắc là các tỉnh/thành phố: Hà Nội, Hà Tây, Nam Định và Bắc Ninh. Ở khu vực miền Trung là Bình Định, Khánh Hoà và ở phía Nam là T.P Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai.

Trên đây là một số nhận định ban đầu qua biến động về qui mô của các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp của nước ta tại thời điểm 1/7/2007 qua kết quả tổng hợp nhanh. Trong năm 2008, các số liệu chính thức, chi tiết hơn về Tổng điều tra Cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp sẽ được tổng hợp, cung cấp cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, đồng đảo người dùng tin sử dụng cho việc quản lý, hoạch định chính sách, nghiên cứu, phân tích và các mục đích khác□